TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 15/2021/QĐST- DS

N, ngày 05 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 305/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Lan D**, sinh năm 1972.
  Địa chỉ: 132/42/39/5 H, phường T, quận N, thành phố C.
  Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Văn Á** (theo giấy ủy quyền số công chứng: 1224, quyển số: 02TP/CC-SCC/GUQ ngày 24/8/2020 tại Văn phòng Công chứng 24).
  Địa chỉ: 116A T, phường H, quận N, thành phố C.
- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hữu N,** sinh năm 1970.
  Bà **Thân Thị Kim L**, sinh năm 1974.
  Địa chỉ: 132/42/39/5 H, phường T, quận N, thành phố C.
  Đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Vũ Phong** (theo giấy ủy quyền số chứng thực: 988, quyển số: 01-SCT/CK, ĐC ngày 15/10/2020 tại Văn phòng Công chứng Cửu Long).
  Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Lan D và ông Nguyễn Hữu N, bà Thân Thị Kim L thống nhất thỏa thuận như sau:

- Ông Nguyễn Hữu N, bà Thân Thị Kim L thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 67,5m^2 đất (**phần B**) theo bản trích đo địa chính số 04/TTKTTNMT – Sở tài nguyên và môi trường thành phố C vẽ ngày

06/01/2021 và quyền sở hữu nhà ở (nhà 2) theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/10/2020 của Tòa án nhân dân quận N – nhà và đất thuộc một phần thửa đất số 235, tờ bản đồ số 10 theo GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB619473 (số vào sổ cấp GCN: CH000192) do UBND quận N cấp ngày 03/6/2010 tọa lạc tại địa chỉ: 132/42/39/5 H, phường T, quận N, thành phố C cho bà Nguyễn Thị Lan D.

- Công nhận quyền sử đất với diện tích 67,5m^2 đất **(phần B)** theo bản trích đo địa chính số 04/TTKTTNMT – Sở tài nguyên và môi trường thành phố C vẽ ngày 06/01/2021 và quyền sở hữu nhà ở (nhà 2) theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/10/2020 của Tòa án nhân dân quận N – nhà và đất thuộc một phần thửa đất số 235, tờ bản đồ số 10 theo GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB619473 (số vào sổ cấp GCN: CH000192) do UBND quận N cấp ngày 03/6/2010 tọa lạc tại địa chỉ: 132/42/39/5 H, phường T, quận N, thành phố C cho bà Nguyễn Thị Lan D.

- Bà Nguyễn Thị Lan D và ông Nguyễn Hữu N, bà Thân Thị Kim L được quyền liên hệ các cơ quan chức năng để làm thủ tục tách thửa và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 235, tờ bản đồ số 10 theo GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB619473 (số vào sổ cấp GCN: CH000192) do UBND quận N cấp ngày 03/6/2010 để đứng tên riêng cho bà Nguyễn Thị Lan D – phần B (nhà 2) và ông Nguyễn Hữu N, bà Thân Thị Kim L – phần A (nhà 1) *(kèm theo bản trích đo địa chính số 04/TTKTTNMT ngày 06/01/2021 của Trung tâm kỹ thuật – Sở Tài nguyên và môi trường thành phố C và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/10/2020 của Tòa án nhân dân quận N).*

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông N, bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Nguyên đơn bà D tự nguyện nộp thay cho bị đơn. Bà D đã tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 002974 ngày 24/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố C được chuyển thành án phí. Về chi phí đo đạc, định giá là 6.000.000 đồng, nguyên đơn bà D tự nguyện nộp, nguyên đơn đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.NK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG